

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4652** /BHXH-CSYT

V/v: Thanh toán chi phí VTYTTH,
VTYTTT theo chế độ KCB BHYT

Hà Nội, ngày **31** tháng 12 năm 2008

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Để thống nhất thực hiện việc thanh toán chi phí các loại vật tư y tế tiêu hao (VTYTTH), vật tư y tế thay thế (VTYTTT) có trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-BYT ngày 9/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế, sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 12490/BTC-HCSN ngày 21/10/2008 và ý kiến của Bộ Y tế tại Công văn số 8079/BYT-BH ngày 26/11/2008, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn thực hiện và đề nghị BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là BHXH tỉnh) triển khai thực hiện một số công việc, cụ thể như sau:

1. Về việc xây dựng danh mục VTYTTH, VTYTTT sử dụng tại cơ sở KCB BHYT:

Trao đổi, thống nhất với các cơ sở KCB BHYT trên địa bàn xây dựng danh mục các loại VTYTTH, VTYTTT sử dụng tại cơ sở KCB làm căn cứ để cơ quan BHXH thanh toán chi phí theo chế độ BHYT, bao gồm:

1.1. Danh mục VTYTTH, VTYTTT theo Quyết định số 21/2008/QĐ-BYT ngày 9/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế sử dụng tại cơ sở KCB (theo mẫu số 01/VTYT gửi kèm Công văn này) theo những nguyên tắc và nội dung cơ bản sau:

- Căn cứ vào Danh mục VTYTTH, VTYTTT ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-BYT nêu trên của Bộ trưởng Bộ Y tế, các cơ sở KCB xây dựng Danh mục VTYTTH, VTYTTT sử dụng tại cơ sở KCB BHYT phù hợp với phạm vi chuyên môn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi thực hiện các dịch vụ kỹ thuật (DVKT) có trong danh mục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 26/01/2006 của liên Bộ Y tế – Bộ Tài chính – Bộ Lao động TBXH bổ sung Thông tư liên Bộ số 14/TTLB ngày 30/9/1995 của liên Bộ Y tế – Tài chính – Lao động TBXH – Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn thực hiện việc thu một phần viện phí, đảm bảo mục tiêu sử dụng công bằng, hiệu quả và phù hợp với khả năng chi trả của quỹ BHYT.

- Các loại VTYTTH, VTYTTT không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT gồm: Giác mạc, điện cực ốc tai, máy trợ thính, môi trường nuôi cấy trong thụ tinh nhân tạo và các loại VTYTTH, VTYTTT sử dụng trong dịch vụ thẩm mỹ phải ghi rõ là không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT vào cột số 11, mẫu số 01/VTYT.

- Các loại VTYTTH, VTYTTT được sử dụng trong quá trình thực hiện các DVKT cao thì ghi rõ vào cột số 13, mẫu số 01/VTYT là “DVKT cao”.

- Các loại vật tư y tế tiêu hao có thể sử dụng nhiều lần như Bóng nong, quả lọc tách huyết tương trong lọc máu liên tục, đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi, đầu cắt dịch kính, máy dò thân kinh, dao cắt gan siêu âm, máy cắt nối tự động,... hoặc các loại vật tư y tế tiêu hao khó định lượng sử dụng trong điều trị như hạt nhựa PVA, keo sinh học (gel)..., căn cứ vào số liệu lịch sử tại bệnh viện đã sử dụng của năm 2007 và 2008 và tham khảo số lần, định mức theo Phụ lục 1 gửi kèm Công văn này, BHXH các tỉnh trao đổi, bàn bạc và thống nhất với các cơ sở KCB BHYT số lần hoặc định mức sử dụng, ghi vào cột số 10, mẫu số 01/VTYT để làm căn cứ thanh toán với cơ sở KCB.

1.2. Danh mục VTYTTH theo Quyết định số 6282/2003/QĐ-BYT ngày 8/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế sử dụng tại cơ sở KCB (theo mẫu số 02/VTYT gửi kèm Công văn này)

Cơ sở KCB xây dựng danh mục VTYTTH sử dụng tại cơ sở KCB theo mẫu số 02/VTYT căn cứ vào Danh mục VTYTTH ban hành kèm theo Quyết định số 6282/QĐ-BYT ngày 8/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế và nhu cầu sử dụng VTYTTH trong quá trình điều trị trước hoặc sau khi thực hiện các DVKT.

BHXH các tỉnh có trách nhiệm xem xét và thực hiện các nghiệp vụ giám định đối với danh mục VTYTTH, VTYTTT sử dụng tại cơ sở KCB theo đúng các quy định nêu trên, báo cáo và gửi danh mục lưu về BHXH Việt Nam bằng file Excell qua địa chỉ email nêu tại Công văn số 3185/BHXH-GDYT ngày 19/9/2008 của BHXH Việt Nam trước ngày 31/3/2009. Trong quá trình thực hiện thanh toán VTYTTH, VTYTTT, nếu có bổ sung, sửa đổi danh mục, đề nghị báo cáo cập nhật sự thay đổi về danh mục và giá thanh toán hàng quý về BHXH Việt Nam bằng file Excell qua hộp thư điện tử.

Việc cung ứng và xác định giá thanh toán các loại VTYTTH, VTYTTT được thực hiện tương tự như các quy định hiện hành về cung ứng và xác định giá thuốc chữa bệnh.

2. Về việc sử dụng và thanh toán chi phí VTYTTH, VTYTTT:

2.1 Nguyên tắc chung:

BHXH các tỉnh có trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ giám định cụ thể việc chỉ định và sử dụng, chủng loại, kích cỡ, mã hàng hoá (mã vạch), hãng sản xuất, số lượng sử dụng hoặc số chi tiết của bộ dụng cụ, giá mua vào..., đặc biệt lưu ý một số loại VTYTTH, VTYTTT dễ bị nhầm lẫn giữa người bệnh này với người bệnh khác hoặc khó kiểm soát do có nhiều chủng loại, nhiều hãng sản xuất khác nhau với giá thành khác nhau như thuỷ tinh thể nhân tạo, stent,... để làm căn cứ thanh toán chi phí VTYTTH, VTYTTT cho người bệnh có thể BHYT với các cơ sở KCB theo các nguyên tắc sau:

- Chi phí VTYTTH, VTYTTT được tính theo số lượng thực tế mà người bệnh đã sử dụng theo chỉ định của bác sỹ điều trị và căn cứ theo giá mua vào của cơ sở KCB được ghi trên hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính và không được vượt quá giá trúng thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại cùng thời điểm.

- Đối với các loại VTYTTH có định mức thanh toán đã được thống nhất giữa cơ quan BHXH và cơ sở KCB thì chi phí của VTYTTH được tính theo định mức thanh toán và giá mua vào của cơ sở KCB.

- Các loại VTYTTH, VTYTTT sử dụng trong các DVKT chỉnh hình thẩm mỹ, tạo hình thẩm mỹ không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT. Cơ quan BHXH có trách nhiệm giám định đối với từng bệnh nhân cụ thể để xác định các trường hợp sử dụng các DVKT và VTYTTH, VTYTTT này vào mục đích chỉnh hình thẩm mỹ, tạo hình thẩm mỹ để từ chối thanh toán theo chế độ BHYT.

- Đối với các cơ sở KCB ngoài công lập, giá thanh toán của VTYTTH, VTYTTT được xác định căn cứ giá mua vào của cơ sở KCB được ghi trên hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính và không được vượt quá giá trúng thầu thấp nhất của các cơ sở KCB công lập tương đương trên địa bàn tại cùng thời điểm thanh toán.

2.2 Đối với các VTYTTH, VTYTTT thuộc Danh mục VTYTTH, VTYTTT theo Quyết định số 21/2008/QĐ-BYT (mẫu số 01/VTYT):

- Chi phí các loại VTYTTH, VTYTTT được thanh toán đồng thời với việc sử dụng và thanh toán DVKT có sử dụng các VTYTTH, VTYTTT này nhưng chưa được tính vào trong cơ cấu giá, được ghi chú cụ thể trong từng DVKT như quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐ-TB&XH, ví dụ: Kim sinh thiết cơ tim dùng trong thủ thuật sinh thiết cơ tim; quả lọc tách huyết tương, bộ dây dẫn dùng trong thủ thuật Lọc tách huyết tương v.v... (tham khảo Phụ lục 2 gửi kèm Công văn này). Cơ quan BHXH không thanh toán các loại VTYTTH, VTYTTT không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT gồm : Giác mạc, điện cực ốc tai, máy trợ thính, môi trường nuôi cấy trong thụ tinh nhân tạo và các loại VTYTTH, VTYTTT sử dụng trong dịch vụ thẩm mỹ, tạo hình thẩm mỹ.

- Đối với các loại VTYTTH, VTYTTT thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT được sử dụng để thực hiện các dịch DVKT cao theo danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 36/2005/QĐ-BYT ngày 31/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế: tổng chi phí VTYTTH, VTYTTT sử dụng cho người bệnh và giá của DVKT đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt được cơ quan BHXH thanh toán theo nguyên tắc và các mức thanh toán quy định tại khoản 3, mục I Phần II, Thông tư liên tịch số 21/2005/TTLT-BYT-BTC ngày 27/7/2005 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT bắt buộc và quy định tại điểm a và điểm d, khoản 1, mục III, Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BYT-BTC ngày 30/3/2007 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT tự nguyện.

Ví dụ: Một bệnh nhân có thẻ BHYT bị rối loạn nhịp tim được điều trị rối loạn nhịp bằng sóng cao tần có tổng chi phí là 30.000.000 đồng, gồm:

- Chi phí của DVKT **“Điều trị rối loạn nhịp bằng sóng cao tần”** theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 1.000.000 đồng;

- Chi phí của **“Bộ dụng cụ thăm dò và điều trị RF”** có giá theo hoá đơn mua vào của cơ sở KCB là 29.000.000 đồng.

Khi đó:

Trường hợp người bệnh thuộc diện tham gia BHYT bắt buộc:

Cơ quan BHXH thanh toán chi phí KCB BHYT theo quy định tại điểm 3.2 khoản 3 mục I, Phần II, Thông tư liên tịch số 21/2005/TTLT-BYT-BTC ngày 27/7/2005 của liên Bộ Y tế – Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT bắt buộc, cụ thể như sau:

- Đối tượng có thẻ BHYT theo quy định tại tiết a, điểm 3.2, khoản 3, mục I, Phần II, Thông tư liên tịch số 21/2005/TTLT-BYT-BTC nói trên: mức thanh toán là: 30.000.000đ;

- Đối tượng có thẻ BHYT theo quy định tại tiết b, điểm 3.2, khoản 3, mục I, Phần II, Thông tư liên tịch số 21/2005/TTLT-BYT-BTC nói trên: mức thanh toán là: 20.000.000 đồng;

- Đối tượng có thẻ BHYT theo quy định tại tiết c, điểm 3.2, khoản 3, mục I, Phần II, Thông tư liên tịch số 21/2005/TTLT-BYT-BTC nói trên: mức thanh toán là: 18.000.000 đồng.

Trường hợp người bệnh thuộc diện tham gia BHYT tự nguyện:

- Đối với người bệnh tham gia BHYT tự nguyện có thời gian tham gia BHYT liên tục từ 180 ngày trở lên tính đến thời điểm được thầy thuốc chỉ định và sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao, cơ quan BHXH thanh toán chi phí KCB BHYT theo quy định tại điểm d, khoản 1, mục III, Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BYT-BTC ngày 30/3/2007 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT tự nguyện. Theo đó, mức thanh toán được xác định là: 20.000.000 đồng (80% chi phí thực tế và không vượt quá 20 triệu đồng).

- Đối với người bệnh tham gia BHYT tự nguyện chưa đủ điều kiện về thời gian tham gia BHYT liên tục (dưới 180 ngày), người bệnh phải trả toàn bộ chi phí dịch vụ kỹ thuật cao với tổng số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

2.3 Đối với các loại VTYTTH theo Quyết định số 6282/2003/QĐ-BYT (mẫu số 02/VTYT):

BHXH các tỉnh trao đổi, bàn bạc và thống nhất với cơ sở KCB BHYT định mức sử dụng các loại VTYTTH thông dụng theo khoa, phòng điều trị như gãy tay trong tiêm, truyền thuốc... để làm cơ sở thanh toán chi phí VTYTTH này trong KCB BHYT và thực hiện giám định chặt chẽ chi phí VTYTTH, đảm bảo không thanh toán trùng lặp, thanh toán khống chi phí các loại VTYTTH thông dụng nói trên.

Cơ quan BHXH căn cứ chi phí thực tế các loại VTYTTH đã được chỉ định, sử dụng cho người bệnh BHYT trong quá trình điều trị trước hoặc sau khi thực hiện các DVKT (phẫu thuật, thủ thuật) và theo định mức nêu trên để thanh toán với các cơ sở KCB BHYT.

3. Chi phí VTYTTH, VTYTTT đã sử dụng cho người bệnh có thẻ BHYT kể từ ngày Quyết định số 21/2008/QĐ-BYT nêu trên có hiệu lực thi hành, đã được cơ sở KCB thống kê theo hướng dẫn tại Công văn số 2410/BHXH-GĐYT ngày 30/7/2008 của BHXH Việt Nam, được thanh toán bổ sung theo các quy định tại điểm 2, Công văn này hoặc thanh toán trực tiếp cho người bệnh có thẻ BHYT theo quy định. Trường hợp bệnh viện đã thu của người bệnh BHYT chi phí VTYTTH, VTYTTT, trên cơ sở danh sách thống kê của cơ sở KCB, Bảo hiểm xã hội các tỉnh có trách nhiệm thông báo để người bệnh có thẻ BHYT biết và thực hiện thanh toán trực tiếp tại cơ quan BHXH.

Nhận được công văn này, đề nghị Bảo hiểm xã hội các tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam để kịp thời có hướng chỉ đạo, giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ Y tế, Tài chính, LĐTB&XH (để b/c);
- Tổng Giám đốc, các Phó TGD;
- Sở Y tế các tỉnh, Tp trực thuộc TW (để phối hợp chỉ đạo các cơ sở KCB BHYT);
- Lưu VT, CSYT (2 bản).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Khương

PHỤ LỤC 1
SỐ LẦN VÀ ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG TỐI THIỂU MỘT SỐ LOẠI
VTYTTH, VTYTTT TẠI CƠ SỞ KCB NĂM 2008

(kèm theo Công văn số 4651/BHXH-CSYT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của BHXH Việt Nam)

STT	Tên VTYTTH	Đơn vị tính	Số lần sử dụng tối thiểu	Định mức sử dụng tối thiểu
1	Đầu cắt dịch kính	Cái	4	
2	Đầu dao cắt gan siêu âm	Cái	3	
3	Máy cắt nối tự động	Cái	2	
4	Đầu dò thân kinh	Bộ	2	
5	Quả lọc (trong lọc máu)	Quả	2	
6	Bóng nong (trong điều trị tim mạch)	Quả	4	
7	Keo sinh học	Tuýp		1/2
8	Hạt nhựa PVC	Lọ		1/2

PHỤ LỤC 2

PHẠM VI SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN VTYTTH, VTYTTT (BAN HÀNH KÈM THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 21/2008/QĐ-BYT NGÀY 9/6/2008 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ)

DÙNG TRONG CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT

(Kèm theo công văn số 161/BHXH-CSYT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của BHXH Việt Nam)

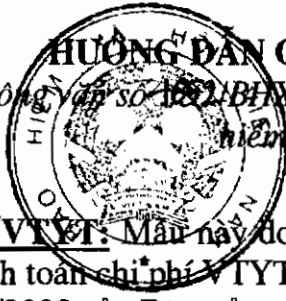


STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Sử dụng đối với DVKT có số thứ tự trong TTLT số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH		Ghi chú
			DVKT cao	Không phải DVKT cao	
1.	Kim sinh thiết cơ tim	Cái	21 (C1); 27 (C2.1)		
2.	Bộ dụng cụ thông tim và chụp buồng tim	Bộ	21 (C1); 27, 28 (C2.1)		
3.	Bộ dụng cụ thông tim, chụp động mạch (động mạch vành và các động mạch khác)	Bộ	7, 8 (C4.2.5); 29 (C2.1)		
4.	Dây dẫn can thiệp (micro guide wire) các loại	Cái	33, 34 (C2.1); 28 (C2.2); 9 (C4.2.5)		
5.	Ống thông can thiệp (guiding catheter) các loại	Cái	33, 34, 35 (C2.1)		
6.	Micro catheter các loại	Cái	33, 34, 35 (C2.1); 28 (C2.2); 9 (C4.2.5)		
7.	Bộ dụng cụ để bít thông liên nhĩ, thông liên thất, bít ống động mạch	Bộ	29 (C2.1)		
8.	Bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim bằng RF	Bộ	30 (C2.1)		
9.	Dụng cụ thăm dò điện sinh lý tim	Bộ	37 (C2.1)		
10.	Bóng nong (balloon) trong điều trị tim mạch	Bộ	28, 35 (C2.1); 7, 8 (C4.2.5)		Theo Phụ lục 1
11.	Bộ máy tạo nhịp: gồm máy và dây dẫn	Bộ	31 (C2.1)		
12.	Bộ máy tạo nhịp và phá rung (cấy vào trong cơ thể): gồm máy và dây dẫn	Bộ	31 (C2.1)		
13.	Máy cắt nối tự động và ghim khâu máy	Cái	62, 63, 65, 66, 69, 71 (C2.1)		Theo Phụ lục 1
14.	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong mổ tim phổi máy các số, các cỡ (bao gồm cả dây chạy máy).	Bộ	20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 (C2.1)		
15.	Vòng xoắn kim loại (coil) các loại, các cỡ	Cái	33 (C2.1)		
16.	Stent các loại	Cái	32 (C1); 54, 55, 56 (C2.4); 8 (C4.2.5); 55 (C2.1)		

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Sử dụng đối với DVKT có số thứ tự trong TTLT số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH		Ghi chú
			DVKT cao	Không phải DVKT cao	
17	Van tim nhân tạo (bao gồm cả van động mạch chủ)	Cái	20, 21 (C2.1)		
18	Vòng van tim nhân tạo	Cái	20 (C2.1)		
19	Mạch máu nhân tạo (bao gồm cả động mạch chủ nhân tạo)	Cái/ Đoạn	19, 25, 108 (C2.1)		
20	Hạt nhựa PVA (sử dụng trong nút mạch)	Lọ	28 (C2.2)		Theo Phụ lục 1
21	Đầu dò thần kinh	Bộ	12 (C2.5.7)	26 (C2.5.7)	Theo Phụ lục 1
22	Cement hóa học sử dụng trong phẫu thuật tạo hình thân đốt sống qua da, tạo hình vòm sọ và thay khớp	Gam	53 (C1)		
23	Keo sinh học điều trị rò dịch não tủy, thoát vị nền sọ, rò mòm cắt phế quản, tràn khí màng phổi, phẫu thuật tai mũi họng, phẫu thuật phình tách động mạch chủ	Tuýp	49, 53, 60, 73 (C2.4)		Theo Phụ lục 1
24	Van dẫn lưu nhân tạo (não thất-màng bụng)	Cái	39 (C2.1)		
25	Dầu silicon (dùng trong phẫu thuật cắt dịch kính và điều trị bong võng mạc)	Lọ	96 (C2.3)		
26	Dại silicon (dùng trong phẫu thuật cắt dịch kính và điều trị bong võng mạc)	Cái	96 (C2.3)		
27	Đầu cắt dịch kính	Cái	96 (C2.3)		Theo Phụ lục 1
28	Đầu lưỡi laser các loại	Cái	96 (C2.3)		
29	Ống silicon dùng trong phẫu thuật mắt	Cái	33 (C2.3)	63 (C2.3)	
30	Thế thủy tinh nhân tạo các loại (cứng, mềm, treo)	Cái	31, 77, 94, 95 (C2.3)		
31	Giác mạc	Cái	95 (C2.3)		Không BHYT
32	Xương con (phẫu thuật tái tạo hệ thống truyền âm)	Cái	53 (C2.4)		
33	Van phát âm/thanh quản điện/stent thanh, khí quản	Cái	57 (C2.4)		

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Sử dụng đối với DVKT có số thứ tự trong TTLT số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH		Ghi chú
			DVKT cao	Không phải DVKT cao	
34	Vật liệu thay thế sử dụng trong phẫu thuật nâng sống mũi, lấp mắt	Cái/chiếc		07, 27 (C2.5.7)	Không TT khi thẩm mỹ
35	Điện cực ốc tai	Bộ	48 (C2.4)		Không BHYT
36	Máy trợ thính	Chiếc	50 (C2.4)		Không BHYT
37	Ống nội khí quản các loại, các cỡ	Bộ	69, 70 (C2.4)		
38	Gốm sinh học dùng thay thế xương, các loại sụn, prothese trong điều trị bệnh tai mũi họng	Cái	53 (C2.4)		
39	Nẹp có lõi cầu bằng titan, nẹp vít bằng hợp kim	Cái	01, 10, 11 (C2.5.7)		Không TT khi thẩm mỹ
40	Màng tái tạo mô và xương nhân tạo	Cái	24 (C2.5.1) 21 (C2.5.7)		
41	Đầu dao cắt gan siêu âm	Cái	77 (C2.1)		Theo Phụ lục 1
42	Quả lọc, dây dẫn trong kỹ thuật hấp thụ phân tử liên tục điều trị suy gan nặng	Bộ	56 (C1)		
43	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn	Quả/Bộ	72 (C1),		Theo Phụ lục 1
44	Quả lọc, màng lọc máu và dây dẫn đi kèm trong siêu lọc máu, lọc máu liên tục	Quả/Bộ	71 (C1); 4; 5; 6; 7 (C2.6)		Theo Phụ lục 1
45	Dụng cụ cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo	Bộ	66 (C2.1)		
46	Đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi	Cái	75 (C2.1)		
47	a. Cáp,	Cái		87 (C2.1)	
	b. đầu phát quang laser điều trị u xơ tuyến tiền liệt	Cái	Không ghi chú tại DVKT		
48	Môi trường nuôi cấy (trong thụ tinh nhân tạo)	Gam		46, 47 (C2.2)	Không BHYT
49	Dao cắt sụn và lưới bào (dùng trong phẫu thuật dây chằng)	Cái	105 (C2.1)		

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Sử dụng đối với DVKT có số thứ tự trong TTLT số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH		Ghi chú
			DVKT cao	Không phải DVKT cao	
50	Các loại đinh, nẹp, vít dùng trong phẫu thuật kết hợp xương	Cái, Bộ	92, 93, 94, 95, 101, 102, 105, 108 (C2.1) 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 13, 17, 18 (C2.5.7)	103 (C2.1) 20, 22, 23, 24, 25 (C2.5.7)	
51	Các loại khung, đai, nẹp ngoài dùng trong điều trị gãy xương, chấn thương, chỉnh hình	Cái/Bộ		115, 117, 119 (C2.1)	
52	Khớp gối/khớp háng nhân tạo (toàn phần hay bán phần)	Bộ	96, 97, 98, 99 (C2.1)		
53	Xương bảo quản/Sản phẩm sinh học thay thế xương	Cái	92, 101 (C2.1)	19 (C2.5.7);	
54	-Đốt sống nhân tạo,	Cái/ miếng	92(C2.1)		
	-miếng ghép cột sống, đĩa đệm trong phẫu thuật cột sống	Cái/ miếng	Không ghi chú tại DVKT		
55	Các loại da ghép (da đồng loại, da ếch, trung bì da lợn)	Miếng		8 (C2.6)	
56	Tế bào sừng nuôi cấy dùng trong điều trị bỏng, vết thương	Tám		10 (C2.6)	
57	Tế bào sợi nuôi cấy dùng trong điều trị bỏng, vết thương	Tám		10 (C2.6)	
58	Màng sinh học dùng trong điều trị	Cái	Không ghi chú tại DVKT		
59	Gan nhân tạo	Đoạn	106 (C2.1)		
60	Kít tách bạch cầu/tiểu cầu	Bộ		106 (C3.1)	
61	Kít tách tế bào gốc từ máu ngoại vi	Bộ	107 (C3.1)		
62	Kít tách tế bào gốc từ tủy xương	Bộ		109 (C3.1)	
63	Kít tách tế bào gốc từ máu cường rốn	Bộ	108 (C3.1)		
64	Kít xác định hoà hợp tổ chức (lớp 1 và lớp 2)	Bộ	48 (C3.1)		



HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CÁC BIỂU MẪU

(kèm theo Công văn số 182/BHXH-CSYT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

1. Mẫu số 01/VTKT: Mẫu này do cơ sở KCB lập và gửi sang cơ quan BHXH để làm cơ sở thanh toán chi phí VTYTTH, VTYTTT theo Quyết định số 21/2008/QĐ-BYT ngày 9/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Phần ghi của cơ sở KCB:

Cột (1): Ghi số thứ tự của VTYTTH, VTYTTT

Cột (2): Ghi số thứ tự của VTYTTH, VTYTTT có trong QĐ số 21 nêu trên

Cột (3): Ghi tên của VTYTTH, VTYTTT

Cột (4): Ghi quy cách của VTYTTH, VTYTTT

Cột (5): Ghi tên hãng sản xuất

Cột (6): ghi tên nước sản xuất

Cột (7): ghi tên hãng phân phối

Cột (8): ghi đơn vị tính

Cột (9): ghi giá đề nghị thanh toán BHYT

Cột (10): Ghi định mức thanh toán của VTYTTH, VTYTTT. Đối với các VTYTTH, VTYTTT không sử dụng lại, một đơn vị tính của vật tư y tế đó không được sử dụng cho nhiều lần thực hiện DVKT, thì tại cột này, không phải ghi, và được hiểu là có định mức thanh toán 100%=1

Cột (11): ghi phạm vi thanh toán BHYT của VTYTTH, VTYTTT. Nếu VTYTTH, VTYTTT không thuộc phạm vi thanh toán của BHYT thì ghi là “không BHYT”, nếu được sử dụng để thực hiện DVKT chưa xác định rõ là có phải là DVKT thẩm mỹ hay không thì ghi là “xem xét”. Đối với các VTYTTH, VTYTTT chắc chắn thuộc phạm vi thanh toán BHYT thì không phải ghi ở cột này.

Cột (12): ghi rõ số thứ tự của DVKT trong thông tư liên tịch số 03/TTLT/BYT-BTC- BLĐTĐ&XH ngày 26/1/2006 của liên Bộ, có sử dụng VTYTTH, VTYTTT này nhưng giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt của DVKT chưa bao gồm chi phí của VTYTTH, VTYTTT nói trên đã được ghi chú cụ thể tại thông tư liên tịch số 03 nêu trên.

Tại hàng ngang của cột số 12, mỗi một hàng ngang chỉ ghi một DVKT.

Cột (13): Ghi loại DVKT: nếu là DVKT cao thì ghi là “DVKT cao” tại cột này, nếu DVKT không phải là DVKT cao thì không phải ghi. Loại DVKT ghi tương ứng với DVKT được ghi tại cột số 12.

Sau khi thực hiện đầy đủ các nội dung trên, Đại diện hợp pháp của cơ sở KCB ký tên, đóng dấu và gửi sang cơ quan BHXH hai bản (02 bản) bằng văn bản với nội dung giống nhau, đồng thời gửi cho cơ quan BHXH file điện tử dữ liệu nêu trên được thiết kế và xử lý trên phần mềm excell.

Phần ghi của cơ quan BHXH: Sau khi cơ quan BHXH nhận được danh mục và giá đề nghị thanh toán BHYT của cơ sở KCB, cơ quan BHXH có trách nhiệm thẩm định và ghi kết quả thẩm định như sau:

Cột (14), cột (15), cột (16), cột (17), cột (18) nội dung ghi giống như phần ghi của cơ sở KCB tại các cột từ (9) đến cột (13) tương ứng nhưng là kết quả đã được thẩm định của cơ quan BHXH.

Cột (14): ghi giá thanh toán BHYT đã được thẩm định

Cột (15): Ghi định mức thanh toán của VTYTTH, VTYTTT đã được thẩm định.

Cột (16): ghi phạm vi thanh toán BHYT của VTYTTH, VTYTTT đã được thẩm định.

Cột (17): Ghi số thứ tự của DVKT trong thông tư liên tịch số 03...

Cột (18): Ghi loại DVKT...

Sau khi cơ quan BHXH thẩm định và ghi đầy đủ các nội dung trên vào biểu mẫu, thực hiện ký tên, đóng dấu và gửi một bản bằng văn bản cho cơ sở KCB, một bản lưu tại cơ quan BHXH để làm cơ sở thanh toán chi phí VTYTTH, VTYTTT cho người bệnh tham gia BHYT.

2. Mẫu số 02/VTYT: Cơ sở KCB lập mẫu này với các nội dung từ cột số (1) đến cột số (9), sau đó gửi cơ quan BHXH 2 bản cùng file dữ liệu. Trên cơ sở đó, cơ quan BHXH tiến hành thẩm định và ghi kết quả thẩm định về giá thanh toán BHYT tại cột số (10) gửi lại cho cơ sở KCB 1 bản và 1 bản lưu giữ tại cơ quan BHXH để làm cơ sở thanh toán BHYT.

Cơ quan BHXH thực hiện gửi File dữ liệu của các cơ sở KCB đã được thẩm định về cơ quan BHXH Việt Nam như yêu cầu tại điểm 1, Công văn.

Tên cơ sở KCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01/VTTYT

*(kèm theo Công văn số .../BHXH-CST ngày
tháng năm 2008 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

DANH MỤC VÀ GIÁ VTTYTH, VTTYTT THEO QĐ SỐ 21/2008/QĐ-BYT SỬ DỤNG TẠI CƠ SỞ KCB NĂM

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	Giám định của cơ quan BHXH				
													(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
SIT	SIT/QĐ 21	Tên VTTYT	Quy cách	Hãng SX	Nước SX	Hãng phân phối	DVT	Giá để nghỉ TT BHYT	Định mức TT	BHYT	STT/TTLT 03 của DVKT	Loại DVKT	Giá TT	Định mức TT	BHYT	STT/ TTLT 03 của DVK T	Loại DVKT

Đại diện cơ sở KCB
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan BHXH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02/VTYT
(tìm theo Công văn số .../BHXH-CSYT ngày
tháng năm 2008 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

Tên cơ sở KCB: CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VÀ GIÁ VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO THEO QĐ SỐ 6282 SỬ DỤNG TẠI CƠ SỞ KCB NĂM ...

SIT	SIT/QĐ 6282	Tên VTYT	Quy cách	Hãng SX	Nước SX	Hãng phân phối	ĐVT	Giá đề nghị TT BHYT	Phân tham định của CQ BHXH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	Giá TT BHYT (10)

Đại diện cơ sở KCB
(ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan BHXH
(ký tên, đóng dấu)